

Số: 09/2010/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2010

THÔNG TƯ
Quy định về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
ngân hàng thương mại cổ phần

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng,

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần (gọi tắt là ngân hàng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng qui định tại Điều 1 Thông tư này.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp Giấy phép.

Điều 3. Thẩm quyền cấp Giấy phép

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định cấp Giấy phép theo các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giấy phép: là Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần.
2. Ban trụ bị thành lập ngân hàng (gọi tắt là Ban trụ bị): là một tổ chức gồm những thành viên do các cổ đông sáng lập bầu để thay mặt các cổ đông sáng lập triển khai các công việc liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép. Ban trụ bị có tối thiểu 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên làm Trưởng ban.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên: là cuộc họp gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác tham gia góp vốn thành lập ngân hàng, có nhiệm vụ thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng, đề án thành lập ngân hàng, bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng.
4. Cổ đông tham gia thành lập ngân hàng (gọi tắt là cổ đông): là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của ngân hàng tại thời điểm thành lập.
5. Cổ đông sáng lập: là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của ngân hàng.
6. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ ngân hàng qui định.
7. Người quản lý doanh nghiệp: theo quy định tại Điều 4 Khoản 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

8. Đơn vị trực thuộc của ngân hàng: bao gồm sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC, HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP

Điều 5. Điều kiện cấp Giấy phép

1. Vốn điều lệ

a) Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật tại thời điểm thành lập;

b) Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam;

c) Nguồn vốn góp thành lập ngân hàng:

(i) Các tổ chức, cá nhân không được dùng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(ii) Vốn tham gia thành lập ngân hàng của các tổ chức phải đảm bảo điều kiện sau:

- Đối với các tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm: việc góp vốn phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành;

- Đối với tổ chức khác: Vốn chủ sở hữu trừ đi các khoản đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu và Tài sản ngắn hạn trừ đi nợ ngắn hạn còn lại tối thiểu bằng số vốn góp theo cam kết (cách xác định cụ thể theo Phụ lục số 06 đính kèm).

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định: vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định theo quy định tối thiểu phải bằng số vốn góp theo cam kết.

2. Cổ đông

a) Cổ đông là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân mang quốc tịch Việt Nam; không thuộc những đối tượng bị cấm theo qui định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2005;

b) Có tối thiểu 100 cổ đông tham gia góp vốn thành lập ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 cổ đông sáng lập là tổ chức có tư cách pháp nhân đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

c) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng. Số tiền dự kiến góp vốn thành lập ngân hàng phải được gửi vào một tài khoản do Ban trụ bị mở tại một ngân hàng thương mại Việt Nam và duy trì số tiền này từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng cho đến khi có Giấy phép. Trong thời gian này, tổ chức, cá nhân không được sử dụng số tiền này dưới mọi hình thức;

d) Cá nhân hoặc tổ chức và người có liên quan của cá nhân hoặc tổ chức đó chỉ được tham gia góp vốn thành lập 01 ngân hàng, không được tham gia góp vốn thành lập ngân hàng nếu:

(i) Cá nhân hoặc cá nhân đó cùng với người có liên quan đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu của một ngân hàng;

(ii) Tổ chức hoặc tổ chức đó cùng với người có liên quan đang sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một ngân hàng.

đ) Đối với cổ đông là tổ chức, phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm và kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề năm đề nghị thành lập ngân hàng.

e) Đối với cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng.

3. Cổ đông sáng lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đảm bảo các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này;

(ii) Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;

(iii) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề năm nộp đơn đề nghị thành lập ngân hàng; hoặc có bằng đại học hoặc trên đại học về ngành kinh tế hoặc luật;

(iv) Cam kết hỗ trợ ngân hàng về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

b) Đối với tổ chức:

(i) Đảm bảo các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm c, Điểm d và Điểm e Khoản 2 Điều này;

(ii) Có thời gian hoạt động tối thiểu là 05 năm;

(iii) Là doanh nghiệp (không phải là ngân hàng thương mại) phải đảm bảo:

- Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kể năm nộp đơn đề nghị thành lập ngân hàng;

- Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kể năm nộp đơn đề nghị thành lập ngân hàng.

(iv) Là ngân hàng thương mại phải đảm bảo:

- Có tổng tài sản tối thiểu 50.000 tỷ đồng;

- Tỷ lệ nợ xấu nhỏ hơn 2% tổng dư nợ tại thời điểm nộp đơn đề nghị góp vốn thành lập ngân hàng;

- Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo qui định của Ngân hàng Nhà nước từ năm liền kể năm nộp đơn đề nghị thành lập ngân hàng đến thời điểm được cấp Giấy phép;

- Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kể năm nộp đơn đề nghị thành lập ngân hàng.

(v) Cam kết hỗ trợ ngân hàng về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản.

c) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng, trong đó các cổ đông sáng lập là tổ chức phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập.

4. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đề án thành lập ngân hàng phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng;

b) Tên ngân hàng, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông;

d) Cơ cấu tổ chức nhân sự;

- (i) Sơ đồ tổ chức nhân sự dự kiến của ngân hàng;
- (ii) Năng lực bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến, bao gồm:
 - Hội đồng quản trị: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Chủ nhiệm các Ủy Ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Ban kiểm soát: Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;
 - Các chức danh chủ chốt: Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc và các chức danh chủ chốt khác thuộc các đơn vị trong cơ cấu tổ chức của ngân hàng dự kiến mở trong năm đầu tiên khi thành lập ngân hàng;
- đ) Năng lực quản lý rủi ro: Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường) và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;
- e) Công nghệ thông tin:
 - (i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;
 - (ii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước.
- g) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:
 - (i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;
 - (ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;
 - (iii) Chiến lược của ngân hàng trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các dịch vụ ngân hàng (phân tích rõ các dịch vụ dự kiến ngân hàng sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...);
- h) Hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ:
 - (i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ;

(ii) Danh mục các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng (tối thiểu bao gồm các quy định: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về quản lý các loại rủi ro của ngân hàng; Quy định về hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ; Quy định về quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có; Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác của ngân hàng; Quy định về chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng để quản lý rủi ro);

(iii) Quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ; Trường bộ phận kiểm toán nội bộ.

g) Phương án kinh doanh dự kiến trong 3 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng

1. Văn bản đề nghị thành lập ngân hàng, trong đó cam kết việc đáp ứng các điều kiện qui định tại Điều 5 Thông tư này và đề nghị được chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng.

2. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng.

3. Dự thảo Đề án thành lập ngân hàng theo nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

4. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông không phải là cổ đông sáng lập, trong đó có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên và địa điểm đặt trụ sở chính; Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

b) Họ và tên; địa chỉ thường trú; quốc tịch; số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân đối với cá nhân và người đại diện vốn góp cho cổ đông là tổ chức;

c) Số vốn góp, giá trị vốn góp, số lượng cổ phần, loại cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần, thời hạn góp vốn tương ứng của các cổ đông sáng lập;

d) Danh sách cổ đông sáng lập không được thay đổi kể từ khi ngân hàng được cấp văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng, ngoại trừ trường hợp cổ đông sáng lập thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần. Trường hợp cổ đông sáng lập thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hồ sơ của cổ đông:

a) Hồ sơ của cổ đông là cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (phụ lục số 04);

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (Phụ lục số 05);

(iii) Ngoài các hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu phải có thêm các hồ sơ sau:

- Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 02), lý lịch tư pháp theo qui định của pháp luật;

- Văn bản xác nhận của doanh nghiệp hoặc Bản sao các văn bằng theo nội dung quy định tại Điểm a(iii) Khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

- Văn bản cam kết của từng cổ đông sáng lập về việc hỗ trợ ngân hàng về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

- Bảng kê khai các loại thu nhập và tài sản của cá nhân có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (Phụ lục số 07);

b) Hồ sơ của cổ đông là tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần đối với tổ chức theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (Phụ lục số 03);

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước (Phụ lục số 05);

(iii) Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức;

(iv) Văn bản uỷ quyền người đại diện vốn góp tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(v) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(vi) Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn tại ngân hàng;

(vii) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập ngân hàng;

(viii) Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm đề nghị thành lập ngân hàng và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm có văn bản đề nghị thành lập ngân hàng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và báo cáo tài chính này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

(ix) Ngoài các hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp (Phụ lục số 02);

- Văn bản cam kết hỗ trợ ngân hàng về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp ngân hàng khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;

- Báo cáo tài chính 05 năm liền kề năm đề nghị thành lập ngân hàng đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo tài chính này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.

6. Hồ sơ của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Danh sách nhân sự dự kiến của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành quy định tại Điểm d (ii) Khoản 5 Điều 5;

b) Sơ yếu lý lịch (Phụ lục số 02), lý lịch tư pháp theo qui định của pháp luật;

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn.

7. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập về việc bầu Ban trụ bị và Trưởng Ban trụ bị theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Phụ lục số 01);
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng;
3. Đề án thành lập ngân hàng theo nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư này;
4. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên thông qua các nội dung liên quan đến việc thành lập ngân hàng theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này (bao gồm việc chấp thuận cho cổ đông sáng lập thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 6 Thông tư này nếu có);
5. Biên bản họp Hội đồng quản trị về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách;
6. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc;
7. Hồ sơ của cổ đông không phải là cổ đông sáng lập quy định tại Khoản 5 Điều 6 (nếu có sự thay đổi);
8. Hồ sơ nhân sự quy định tại Khoản 6 Điều 6 (nếu có sự thay đổi);
9. Danh sách các tổ chức, cá nhân góp vốn, trong đó phải thể hiện rõ các nội dung sau:
 - a) Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân;
 - b) Tên, địa chỉ đặt trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với tổ chức;
 - c) Số vốn góp, giá trị vốn góp, tỷ lệ sở hữu, số lượng cổ phần, loại cổ phần; thời hạn góp vốn.
10. Văn bản xác nhận của Ngân hàng thương mại Việt Nam về việc tổ chức, cá nhân gửi tiền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư này;
11. Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận cho ngân hàng đặt trụ sở chính tại địa bàn;
12. Văn bản xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính;

13. Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng quy định tại Điểm h (ii) Khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

Điều 8. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các bản sao giấy tờ, văn bản phải được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

2. Tiêu đề trên tất cả các văn bản do Ban trụ bị ký phải ghi rõ “ Ban trụ bị thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần....”.

Điều 9. Điều kiện hoạt động

1. Để tiến hành hoạt động, ngân hàng được cấp Giấy phép phải có đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có Điều lệ tổ chức và hoạt động được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Có đủ vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này và số vốn điều lệ này phải gửi vào tài khoản phong toả không được hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đặt trụ sở chính sau khi được cấp Giấy phép và trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 ngày. Số vốn này chỉ được giải toả sau khi ngân hàng khai trương hoạt động;

d) Có trụ sở chính đảm bảo điều kiện theo quy định hiện hành;

đ) Đăng báo theo quy định của pháp luật về những nội dung quy định trong Giấy phép.

e) Phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện sau đây theo đúng Đề án thành lập ngân hàng đã trình Ngân hàng Nhà nước:

(i) Vốn điều lệ;

(ii) Nhân sự chủ chốt (thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành);

(iii) Công nghệ thông tin.

2. Trường hợp một hoặc một số nội dung nêu tại Điểm e Khoản 1 Điều này có sự thay đổi so với Đề án thành lập ngân hàng đã trình Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng phải có văn bản (qua Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng),

trong đó nêu rõ lý do thay đổi và phải có ý kiến chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, ngân hàng phải khai trương và hoạt động.

4. Trường hợp quá thời hạn nêu tại Khoản 3 Điều này ngân hàng không khai trương và hoạt động, Ngân hàng Nhà nước sẽ thu hồi Giấy phép theo qui định của pháp luật.

Điều 10. Nội dung Giấy phép

1. Giấy phép phải có một số nội dung chủ yếu sau:

a) Số, nơi cấp, thời gian cấp;

b) Tên ngân hàng:

(i) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

(ii) Tên viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

(iii) Tên giao dịch (nếu có).

c) Địa điểm đặt trụ sở chính;

d) Địa bàn hoạt động;

đ) Vốn điều lệ;

e) Nội dung hoạt động;

g) Thời hạn hoạt động;

h) Họ tên, địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng;

i) Họ tên, địa chỉ thường trú của cổ đông sáng lập là cá nhân và tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông sáng lập là tổ chức, số vốn góp và tỷ lệ vốn góp thành lập ngân hàng của cổ đông sáng lập.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, ngân hàng phải có văn bản nêu rõ lý do và đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy phép.

Điều 11. Nộp lệ phí

Ngân hàng được cấp Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép, lệ phí gia hạn thời hạn hoạt động, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép hoặc được gia hạn thời hạn hoạt động. Mức lệ phí nộp theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 12. Sử dụng Giấy phép

1. Ngân hàng được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động theo đúng nội dung quy định trong Giấy phép.
2. Nghiêm cấm việc làm giả, tẩy xoá, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

MỤC I: TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

Điều 13. Đăng ký kinh doanh

Sau khi được cấp Giấy phép, ngân hàng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn vốn góp thành lập ngân hàng đảm bảo theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Chuyển nhượng cổ phần:

a) Đối với cổ đông sáng lập:

(i) Trong thời gian 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng số cổ phần phổ thông trong tổng số cổ phần góp vốn khi thành lập ngân hàng của mình cho các cổ

đồng sáng lập khác của Ngân hàng nếu đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 2 và Điểm c Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

(ii) Cổ đồng sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác. Ưu đãi biểu quyết của cổ đồng sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đồng sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;

b) Đối với cổ đồng không phải là cổ đồng sáng lập: Trong thời gian 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chỉ được chuyển nhượng số cổ phần góp vốn khi thành lập ngân hàng cho cổ đồng khác trong danh sách cổ đồng của Ngân hàng tại thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có hiệu lực nếu đảm bảo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Sau các thời hạn nêu tại Điểm a và b Khoản này, các cổ đồng được chuyển nhượng cổ phần và duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác nội dung hồ sơ của cổ đồng theo quy định tại Thông tư này.

4. Thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật có liên quan đến thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban trụ bị

1. Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này và nộp đủ 08 bộ (trong đó có 02 bộ chính) tại Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) để đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng; 01 bộ tại Ủy Ban Nhân dân tỉnh, thành phố (nơi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính) để nghị ý kiến chấp thuận về việc đặt trụ sở chính của ngân hàng tại địa bàn.

2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng, Ban trụ bị có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

b) Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và nộp 02 bộ chính tại Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng);

c) Thông báo cho các cổ đông gửi tiền vào tài khoản do Ban trụ bị mở tại một ngân hàng thương mại Việt Nam theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

d) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng, Ban trụ bị phải nộp Đơn kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Thông tư này. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng đã cấp hết hiệu lực.

3. Hướng dẫn cổ đông góp vốn và thẩm định hồ sơ của cổ đông theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác nội dung hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng Nhà nước.

5. Thông báo cho các cổ đông biết lý do không được cấp Giấy phép trong trường hợp không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

6. Trình bày trước Hội đồng thẩm định về việc đáp ứng đủ các điều kiện để được cấp Giấy phép theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm của Trưởng Ban trụ bị

1. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên theo quy định của pháp luật.

2. Ký các văn bản liên quan đề nghị thành lập ngân hàng cho đến khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, chuẩn y Điều lệ tổ chức và hoạt động, chuẩn y các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc ngân hàng.

3. Trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên Ban trụ bị trình bày nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 15 Thông tư này.

MỤC II: TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 17. Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép (gọi tắt là Hội đồng thẩm định)

1. Thành viên Hội đồng thẩm định là đại diện của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước quy định từ Điều 18 đến Điều 26 Thông tư này.
2. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là đại diện Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.
3. Việc thành lập và nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 18. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Làm đầu mối xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư.
2. Đề xuất xử lý các vấn đề liên quan đến việc cấp Giấy phép (bao gồm việc trình Thống đốc xem xét chấp thuận những thay đổi nêu tại Điểm e Khoản 1 và Khoản 2 Điều 9 Thông tư này).
3. Làm đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép:
 - a) Đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng: Trong thời hạn tối đa 240 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm:
 - (i) Có văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ gửi các thành viên Hội đồng thẩm định xem xét. Văn bản đề nghị thẩm định nêu rõ kết quả thẩm định và quan điểm đề xuất về việc cấp Giấy phép;
 - (ii) Có văn bản yêu cầu triệu tập Ban trù bị trình bày các vấn đề có liên quan việc thành lập ngân hàng theo qui định tại Khoản 6 Điều 15 Thông tư này;
 - (iii) Thẩm định hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và soạn tờ trình báo cáo, đề nghị Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập họp các thành viên Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng;
 - (iv) Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
 - Có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng nếu đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này; hoặc

- Có văn bản chưa chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng và yêu cầu Ban trụ bị bổ sung hồ sơ hoặc giải trình các vấn đề liên quan trong hồ sơ chưa rõ ràng; hoặc

- Có văn bản không chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng nếu hồ sơ không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

Trong thời hạn tối đa 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

(i) Ký Quyết định cấp Giấy phép, chuẩn y Điều lệ tổ chức và hoạt động, chuẩn y các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc ngân hàng, nếu đủ điều kiện và đảm bảo đủ hồ sơ theo qui định tại Thông tư này; hoặc

(ii) Có văn bản chưa chấp thuận cấp Giấy phép và yêu cầu Ban trụ bị bổ sung hồ sơ hoặc giải trình các vấn đề liên quan trong hồ sơ chưa rõ ràng; hoặc

(iii) Có văn bản không chấp thuận cấp Giấy phép, nếu không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo qui định tại Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu giữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép.

Điều 19. Vụ Pháp chế

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Vụ Pháp chế thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Là đầu mối xử lý các vấn đề pháp lý trong quá trình cấp Giấy phép.

Điều 20. Vụ Chính sách tiền tệ

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Vụ Chính sách tiền tệ thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Đánh giá về tác động của việc thành lập mới ngân hàng liên quan đến chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Vụ Hợp tác quốc tế

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Vụ Hợp tác quốc tế thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Đánh giá những vấn đề phát sinh liên quan các cam kết Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới.

Điều 22. Vụ Kiểm toán nội bộ

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Vụ Kiểm toán nội bộ thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Đánh giá về việc tuân thủ quy trình, thủ tục liên quan việc cấp Giấy phép của các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 23. Viện Chiến lược ngân hàng

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Viện Chiến lược và phát triển ngân hàng thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Đánh giá về chiến lược phát triển của ngân hàng và khả năng phát triển bền vững của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 24. Cục Công nghệ tin học

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Cục Công nghệ tin học ngân hàng thẩm

định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Đánh giá các vấn đề liên quan đến công nghệ thông tin của ngân hàng.

Điều 25. Vụ Tài chính - Kế toán

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, đại diện Vụ Tài chính - Kế toán thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Đánh giá các vấn đề liên quan đến năng lực tài chính của các cổ đông theo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính

1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng đề nghị thành lập dự định đặt trụ sở chính thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng thẩm định và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Là đầu mối làm việc với chính quyền địa phương nơi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập ngân hàng trên địa bàn (nếu có đề nghị).

3. Xác nhận việc mở tài khoản phong toả và số tiền mà các cổ đông của ngân hàng đã gửi vào tài khoản này.

4. Chi đạo, giám sát ngân hàng thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước khi tiến hành khai trương hoạt động.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ký.
2. Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/6/2007 ban hành Quy chế cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần và Quyết định số 46/2007/QĐ-NHNN ngày 25/12/2007 sửa đổi, bổ sung một số Điều, Khoản của Quy chế cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN ngày 07/6/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

Điều 28. Ngân hàng đang hoạt động

Các ngân hàng đã được cấp Giấy phép trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép mới.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 29;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, TTGSNH.


THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



TRẦN MINH TUẤN

Phụ lục số 01

**Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng
(Ban hành kèm theo Thông tư về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
ngân hàng thương mại cổ phần)**

**BAN TRÙ BỊ THÀNH LẬP
NGÂN HÀNG TMCP....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động ngân hàng thương mại;

Căn cứ Thông tư về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần ban hành theo Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên ngày... tháng...năm... của ngân hàng thương mại cổ phần... về việc thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày...tháng...năm...của Ngân hàng thương mại cổ phần...về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc; Biên bản họp Ban kiểm soát ngày...tháng...năm...của Ngân hàng thương mại cổ phần...về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

Nay, Ban trù bị thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần... thay mặt các cổ đông đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét:

I/ Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)
- Tên giao dịch (nếu có)

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, email; Địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email của Trưởng ban trù bị thành lập ngân hàng.

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

II/ Chuẩn y Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng

III/ Chuẩn y các chức danh Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ngân hàng (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chuẩn y của từng thành viên).

Sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và đăng báo theo qui định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng; nếu vi phạm đề nghị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ đính kèm

TM/ BAN TRÙ BỊ THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

TRƯỞNG BAN

(Ký và ghi đầy đủ họ và tên)

Phụ lục số 02

Mẫu Lý lịch tự khai của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, người điều hành, cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu
(Ban hành kèm theo Thông tư về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

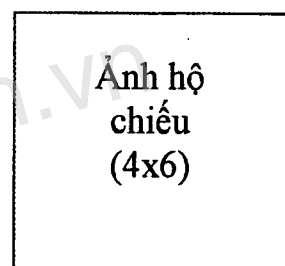
1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh
- Họ và tên thường gọi
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân; Nơi ở hiện nay
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân).

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác



- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Mối quan hệ:

Đính kèm Bảng kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại Phụ lục số 05.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,....., cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của ngân hàng.

- Tôi,....., cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi đề nghị chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

6. Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

7. Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn hoặc xác nhận của cơ quan về việc người khai đang làm việc ở cơ quan đó hoặc chứng thực chữ ký của người khai.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết).

Phụ lục số 03

Mẫu đơn mua cổ phần đối với tổ chức

**(Ban hành kèm theo Thông tư về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
ngân hàng thương mại cổ phần)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng ...

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:
 - Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
 - Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, do... cấp ngày... tháng ... năm.
 - Vốn điều lệ
 - Địa chỉ trụ sở chính
 - Số điện thoại:... Số Fax:...
2. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Ngày tháng năm sinh
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức
 - Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
 - Quốc tịch
 - Nơi ở hiện nay
 - Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại
- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó)
- Số chứng minh thư hoặc sổ hộ chiếu hoặc sổ giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Quốc tịch
- Nơi ở hiện nay
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó;

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi đề nghị cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Thông tư số... ngày... về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần;
- c) Không sử dụng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp thành lập ngân hàng;

d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

**Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)**

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục số 04

Mẫu đơn mua cổ phần đối với cá nhân

**(Ban hành kèm theo Thông tư về việc cấp Giấy phép thành lập
và hoạt động ngân hàng mại cổ phần)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trụ bị thành lập Ngân hàng ...

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:
 - Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
 - Ngày tháng năm sinh
 - Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
 - Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
 - Số điện thoại:
 - Quốc tịch:
 - Nơi ở hiện nay:
 - Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:
 - Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
 - Thời gian nộp tiền:
3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:
 - Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi đề nghị cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Thông tư số... ngày... về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần;
- c) Không sử dụng vốn uỷ thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;
- d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 05

Bảng kê khai người có liên quan và tình hình tham gia góp vốn thành lập ngân hàng

STT	Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập ngân hàng		Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP...
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CT HĐQT, giám đốc ...			
...					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi đề nghị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân.

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC SỐ 06

Cách xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng đối với cổ đông là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

A- Công thức tính khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng đối với cổ đông là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

1.1. Công thức tổng quát:

$$\begin{array}{l} \text{Khả năng về tài chính} \\ \text{để góp vốn thành lập ngân} \\ \text{hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Đầu tư dài hạn được} \\ \text{tài trợ bởi vốn chủ sở hữu} \end{array}$$

1.2. Công thức cụ thể:

$$A = E - LI \quad (1) \text{ và}$$

$$LI = LA - LD \quad (2)$$

Trong đó:

+ A: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng của cổ đông

+ E: Vốn chủ sở hữu

+ LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu

+ LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn

+ LA: Tài sản dài hạn

* Nếu $A \geq$ Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của cổ đông thì cổ đông có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng.

* Nếu $A <$ Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của cổ đông thì cổ đông không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng.

B- Ví dụ minh họa:

Theo Đề án, Công ty X sẽ góp vào ngân hàng đề nghị thành lập là 100 tỷ VND. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp vào ngân hàng đề nghị thành lập dựa trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31/7/ 2007 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

Tài sản		Nguồn vốn		
TT		TT		
	Tài sản ngắn hạn	1.092,42	Nợ phải trả	664,88
	Tiền và các khoản tương đương tiền	711,90	Nợ ngắn hạn	517,18
	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	Nợ dài hạn	147,70
	Các khoản phải thu ngắn hạn	377,87		
	Hàng tồn kho	0,08		
	Tài sản ngắn hạn khác	2,57		
I.	Tài sản dài hạn	1.530,90	Vốn chủ sở hữu	1.958,44
	Các khoản phải thu dài hạn	0	Vốn chủ sở hữu	1.900
	Tài sản cố định	26,02	Nguồn kinh phí và quỹ khác	58,44
	Bất động sản đầu tư	0		
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.504,78		
	Tài sản dài hạn khác	0,10		
	Cộng	2.623,32	Cộng	2.623,32

Vận dụng công thức (1) và (2) để xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng của Công ty X, ta có:

Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)		Vốn chủ sở hữu (E)	
Tài sản dài hạn (LA)	1.530,90 tỷ VND	Vốn chủ sở hữu	1.900 tỷ VND
Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (LD)*	147,70 tỷ VND		
LI=LA-LD	1.383.2 tỷ VND	E	1.900 tỷ VND
A=E-LI			516,8 tỷ VND

So sánh A (516,8 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND).

Chú ý:

* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,...) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.

Phụ lục số 07
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*
—————

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Áp dụng đối với cổ đông sáng lập,
cổ đông là cá nhân sở hữu mức cổ phần trọng yếu của ngân hàng)

Kính gửi: **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

- Họ và tên Người kê khai tài sản, thu nhập:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân số:Ngày cấp: / / Nơi cấp:
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

<i>STT</i>	<i>Loại tài sản</i>	<i>Thông tin mô tả về tài sản</i>
	Nhà, công trình xây dựng	- Số lượng: cái 1.1 Nhà thứ nhất: + Loại nhà:.....+ Diện tích đất :m2 + Diện tích đất xây dựng:.....m2 + Diện tích sử dụng :m2 + Địa chỉ:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:

		<p>1.2. Nhà thứ hai:</p> <p>+ Loại nhà:..... + Diện tích đất :m2</p> <p>+ Diện tích đất xây dựng:.....m2</p> <p>+ Diện tích sử dụng :m2</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:</p> <p>1.3. Nhà thứ ... :</p>
	<p>Quyền sử dụng đất</p>	<p>- Số lượng:thửa</p> <p>2.1 Thừa thứ nhất:</p> <p>+ Loại đất:.....</p> <p>+ Diện tích:..... m2</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá thửa đất theo giá thị trường:</p> <p>2.2. Thừa thứ hai:</p> <p>+ Loại đất:.....</p> <p>+ Diện tích:..... m2</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá thửa đất theo giá thị trường:</p> <p>2.3. Thừa thứ ... :</p>
	<p>Tài sản ở nước ngoài</p>	<p>- Động sản:</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <p>+ Tên:.....</p>

		+ Số lượng: + Trị giá theo giá thị trường: - Bất động sản:..... (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên:..... + Địa chỉ:..... + Trị giá theo giá thị trường:
	Tài khoản ở nước ngoài	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Ngân hàng mở tài khoản:..... - Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:.....
	Thu nhập	- Lương:...../tháng..... - Thu nhập khác (nếu có):...../tháng.....
	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng) - Chủng loại, nhãn hiệu:..... - Số lượng:..... - Tổng giá trị theo giá thị trường:.....
	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có) - Tổng giá trị ước tính:.....
	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.	Tiền mặt: Tổng giá trị :.....
		Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng...): (Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng) Tổng giá trị:.....

		<p>Cổ phiếu:</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán)</p> <p>Tổng giá trị theo mệnh giá.....</p> <p>Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....</p>
		<p>Trái phiếu:</p> <p>(Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán)</p> <p>Tổng giá trị theo mệnh giá:.....</p> <p>Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....</p>
		<p>Các công cụ chuyển nhượng khác:</p> <p>Tổng giá trị theo mệnh giá.....</p> <p>Tổng giá trị theo giá thị trường :.....</p>
<p>Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên</p>		<p>(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên:... - Số lượng: ... - Tổng giá trị ước tính:

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản, thu nhập trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ;
- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác...
- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai về thu nhập:

Nội dung kê khai tại phần này bao gồm:

- Lương: kê khai lương tháng tại thời điểm kê khai;
- Thu nhập khác (nếu có).

3. Đối với phần kê khai 6, 7, 8, 9:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên.
Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

4. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phân thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.